

• 40 BỘ CÁNH CỬA			mm	cm	cm	cm	cm	cm	cm	cm	• THUỐC LỘ BAN	
1- QUÝ NHÂN	Nhất Uy Tài Mộc Cục	Cát Khánh - Quyền Lộc	1-13	52.5	105	156.5	209	261	312.5	365	- Quý nhân phù trợ - Quyền thế - Làm ăn tiền tới - Tăng thực lộc - Bạn bè trung thành - Con cái học tiến - Nhưng tham lam bất chính sẽ MẤT HẾT !!!	• 54-370 cm
		Nhân Nghĩa - Trung Tín	14-26	54	106	158	210	262	314	366		
		Tấu Nhân - Xác Quan	27-39	55	107	159	211	263	315	367		
		Ân Ân - Phát Đạt	40-52	57	108	160	212	264	316	369		
		Trí Tuệ - Thông Minh	53-65	57.5 ↓	110 ↓	162 ↓	214 ↓	266 ↓	318 ↓	370		
4- THIÊN TÀI	Tứ Nghĩa Thủy Cục	Tước Lộc - Thi Thơ	196-208	72	124	177	228	280	332	384	- Gặp may về tước lộc - Con cái hiếu thảo - Cuộc sống luôn đầy đủ, dồi dào	• 72-390 cm
		Hiếu Đễ - Văn Học	209-221	73	125	178	230	281	333	385		
		Mỹ Vị - Thanh Quý	222-234	75	127	179	231	282	335	387		
		Nghinh Tài - Tác Lộc	235-247	77 ↓	128 ↓	180 ↓	232 ↓	284 ↓	336 ↓	388		
		Quan Lộc - Thiên Lộc	248-260	78 ↓	130 ↓	181 ↓	233 ↓	285 ↓	337 ↓	389		
5- NHÂN LỘC	Ngũ Quan Kim Cục	Hoạch Tài - Tử Tôn	261-273	79	131	183	235	287	339	390	- Nghề nghiệp đắc lợi - Con cái học giỏi - Gia đình Phú-Quý-Thọ	• 79-396 cm
		Tinh Nghệ - Phú Quý	274-286	80 ↑	132 ↑	185 ↑	236 ↑	288 ↑	340 ↑	392		
		Thiên Tài - Tấn Bửu	287-299	81	133	186	237	289	341	393		
		Tân Điền - Thập Thiên	300-312	82	135	187	239	290	343	395		
		Thiên Tài - Văn Chương	313-325	84 ↓	136 ↓	188 ↓	240 ↓	291 ↓	344 ↓	396		
8- TẾ TƯỚNG	Bát Bài Thổ Cục	Sinh Kỳ - Đại Tài	45 456-468	98	150	202	254	306	358	410	- Hạnh thông mọi mặt - May mắn bất ngờ - Công danh, Tiền tài, Con cái đều tốt - Sinh Quý tử thông minh, hiếu thảo	• 98-415 cm
		Lễ Nhạc - Thi Thơ	46 469-481	99.9	151	203	255	307	359	411		
		Tử Tôn - Hoạch Tài	47 482-494	101	153	205	257	309	361	413		
		Sinh Sản - Hiếu Tử	48 495-507	102	154	206	258	310	362	414		
		Quất Quan - Quý Nhân	50 508-520	103 ↓	155 ↓	207 ↓	260 ↓	311 ↓	363 ↓	415		

CHÚ Ý: Sai số kích thước chiều rộng cách cửa ±2 mm mới đảm bảo đúng ô ./.. Nếu cộng các con số kích thước = 13 thì phải bào bớt đi 1 mm.

2- HIỂM HỌA	• Nhị Bình THỎ Cục	Thất Tài - Tấn Thành	66-78	59	111	163	215	267	319.5	371	- Tấn tài - Tha hương cầu thực, túng bần - Có người sinh tiểu tật - Con cháu dâm ô, hư thân mất nết !	• 59-376 cm
		Hiếu Phục - Thời Nhan	79-91	60	112	164	216	268	320	372.5		
		Ôn Tài - Thất Hiếu	92-104	61	114	166.5	218	270	322	374		
		Thánh Giác - Tai Họa	105-117	62	115	167	219	271	323	375		
		Hồng Huyết - Trường Bệnh	118-130	63	116	168	220	272	324	376		
3- THIÊN TÀI	• Tam Ly THỎ Cục	Sinh Ly - Hoàn Từ	131-143	65	118	170	222	274	326	378	- Vợ chồng cay đắng bất hòa - Con cháu gặp nạn - Bệnh nặng - Tang khó - Mất cửa - Cô đơn	• 65-383 cm
		Tật Ách - Quan Tai	144-156	66	119	171	223	275	327	379		
		Bán Khổ - Thần Bệnh	157-169	67	120	172	224	276	328	380		
		Yết Tác - Thối Tài	170-182	69	122	174	226	278	330	382		
		Y Sàng - Cô Quả	183-195	70	123	175	227	279	331	383		
6- CỎ ĐỘC	• Lục Cước HỎA Cục	Tử Sinh - Bạo Nghịch	326-338	85	137	189	241	293	345	397	- Hao người tổn của - Biệt ly - Con cháu ngộ ngược, trác táng, từu sắc vô độ đến chết !	• 85-402 cm
		Ấu Đả - Vô Vọng	339-351	86	138	190	242	294	346	398		
		Chiêu Cùng - Ly Tán	352-364	88	140	192	244	296	348	400		
		Tử Nhân - Tử Thực	365-377	89	141	193	245	297	349	401		
		Tấu Hóa - Dâm Dục	378-390	90	142	194	246	298	350	402		
7- THIÊN TÁC	• Thất Tài HỎA Cục	Tử Sĩ - Phòng Bệnh	391-403	92	144	196	248	300	352	404	- Bệnh tật bất ngờ - Tai bay vạ gió - Tang tóc - Ngục tù PHẢI SỬA CỬA NGAY !!!	• 92-409 cm
		Thập Ác - Chiêu Ôn	404-416	93	145	197	249	301	353	405		
		Tranh Đấu - Ôn Tài	417-429	94	146	198	250	302	354	406		
		Ám Muội - Ngục Tù	430-442	96	148	200	252	304	356	408		
		Đa Sắc - Quan Tai	443-455	97	149	201	253	305	357	409		